

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

*(Ban hành theo Quyết định số 4416/QĐ-ĐHSP, ngày 23 tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN)*

Chuyên ngành: HÓA VÔ CƠ
Mã số: 8.44.01.13

THÁI NGUYÊN – 2019

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số các HP tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận/ Xêmina	Bài tập	
I	PHẦN I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG						
1	PHI513	Triết học	3				
2	ENG515	Tiếng Anh	5				
II	PHẦN II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH						
II.1	Kiến thức cơ sở (22TC)						
II.1.1	Bắt buộc (15TC)						
1	BQC523	Cơ sở hóa học lượng tử	3	30	15	15	
2	AIC523	Hóa học vô cơ nâng cao	3	35	10	10	
3	AOC523	Hóa học hữu cơ nâng cao	3	35	10	10	
4	AAC522	Hóa học phân tích nâng cao	2	22	8	8	
5	AIC522	Tin học ứng dụng trong hóa học	2	15	30	0	
6	SRM522	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	22	16	0	
II.1.2	Tự chọn (7TC)						
1	AIM522	Vật liệu vô cơ nâng cao	2	20	10	10	
2	AMI523	Ứng dụng một số phương pháp vật lí, hóa lí trong hóa vô cơ	3	35	10	10	
3	SSC522	Hóa học chất rắn	2	25	5	5	
4	ISR523	Các phương pháp nhận biết, tách và tinh chế các chất	3	30	15	15	
5	SEC522	Xử lý thống kê số liệu thực nghiệm hóa học	2	21	6	12	
6	AMA522	Ứng dụng một số phương pháp vật lí, hóa lí trong hóa học phân tích	2	22	8	8	
7	BHC522	Cơ sở hóa học các hợp chất dị vòng	2	21	12	6	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số các HP tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận/ Xêmina	Bài tập	
8	IOP522	Phương pháp phân lập các hợp chất hữu cơ	2	21	12	6	
9	ASO523	Ứng dụng một số phương pháp phổ trong hóa học hữu cơ	3	35	0	20	
II.2	Kiến thức chuyên ngành (17TC)						
II.2.1	Bắt buộc (10TC)						
1	ACC533	Hóa học phức chất nâng cao	3	35	8	12	
2	NMA532	Vật liệu nano	2	20	10	10	
3	CRE533	Hóa học nguyên tố hiếm	3	35	10	10	
4	SIC532	Cấu tạo phân tử hợp chất vô cơ	2	25	6	4	
II.2.2	Tự chọn (7TC)						
1	AIB532	Hóa sinh vô cơ nâng cao	2	25	5	5	
2	ICS533	Một số chuyên đề hóa vô cơ trong bồi dưỡng học sinh giỏi ở trường phổ thông	3	35	10	10	
3	CCR532	Hóa học phức chất đất hiếm	2	25	10	0	
4	RAC533	Hóa học phóng xạ	3	35	15	5	
5	CMA532	Vật liệu composit	2	25	10	0	
6	CIC532	Xúc tác trong hóa học vô cơ	2	25	10	0	
III	LUẬN VĂN		13				
Tổng số			60				